

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chương: 412

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO  
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 783/QĐ-SNNMT ngày 06/5/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

**I. Căn cứ phân bổ:**

Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 28/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Tuyên Quang năm 2025

**II. Dự toán được giao và phân bổ như sau:**

| Số TT | Chỉ tiêu                                                                                                                                                                                                                             | Tổng số được giao | Tổng số đã phân bổ | Đơn vị: đồng                                       |                                       |                                     |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|
|       |                                                                                                                                                                                                                                      |                   |                    | Chi tiết đơn vị sử dụng                            |                                       |                                     |
|       |                                                                                                                                                                                                                                      |                   |                    | Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Chi cục Chăn nuôi Thú y và Thủy sản |
| A     | DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH                                                                                                                                                                                                                | 310.000.000       | 310.000.000        | 260.000.000                                        | 25.000.000                            | 25.000.000                          |
| I     | Chi quản lý hành chính                                                                                                                                                                                                               | 310.000.000       | 310.000.000        | 260.000.000                                        | 25.000.000                            | 25.000.000                          |
| 1     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Loại: 340; Khoản: 341; Mã nguồn: 12; Mã CTMT: 10473); Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, thuộc Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng. | 160.000.000       | 160.000.000        | 160.000.000                                        |                                       |                                     |
| 1.1   | Tổ chức tập huấn về hỗ trợ phát triển sản xuất                                                                                                                                                                                       | 160.000.000       | 160.000.000        | 160.000.000                                        |                                       |                                     |

| Số TT | Chỉ tiêu                                                                                                                                                                                                | Tổng số được giao | Tổng số đã phân bổ | Chi tiết đơn vị sử dụng                            |                                       |                                     |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|
|       |                                                                                                                                                                                                         |                   |                    | Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Chi cục Chăn nuôi Thú y và Thủy sản |
| 2     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Loại: 340; Khoản: 341; Mã nguồn: 12; Mã CTMT: 10476); Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều thuộc Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin | 100.000.000       | 100.000.000        | 100.000.000                                        |                                       |                                     |
| 2.1   | Tuyên truyền trên báo đài Trung ương, địa phương                                                                                                                                                        | 100.000.000       | 100.000.000        | 100.000.000                                        |                                       |                                     |
| 3     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Loại: 340; Khoản: 341; Mã nguồn: 12; Mã CTMT: 10477); Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá thuộc Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình.    | 50.000.000        | 50.000.000         |                                                    | 25.000.000                            | 25.000.000                          |
| 3.1   | Giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình                                                                                                                                                               | 50.000.000        | 50.000.000         |                                                    | 25.000.000                            | 25.000.000                          |